

Số: 139/KH-UBND

Bát Tràng, ngày 03 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Bát Tràng năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố về Chuyển đổi số thành phố Hà Nội năm 2026; UBND xã Bát Tràng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và Thành phố về chuyển đổi số; triển khai thống nhất, đồng bộ trên địa bàn xã. Thúc đẩy phát triển toàn diện chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp; cải thiện môi trường sống và làm việc. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số dùng chung; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, liên thông; tuân thủ kiến trúc, nền tảng số dùng chung của Thành phố. Lấy chuyển đổi làm trọng tâm, công nghệ là công cụ; ưu tiên hiệu quả thực chất, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu; phân công rõ ràng, bảo đảm triển khai quyết liệt, hiệu quả. Tăng cường theo dõi, đánh giá, đo lường kết quả thực hiện; bảo đảm công khai, minh bạch. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Bảo đảm bao trùm số, tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ số. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; gắn chuyển đổi số với nâng cao năng suất, hiệu quả và phát triển kinh tế - xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Khung Chuyển đổi số (Căn cứ khung Chuyển đổi số của Thành phố)

1.1. Ba trụ cột chuyển đổi số

a) Chính quyền số

Tập trung chuyển đổi phương thức điều hành và cung cấp dịch vụ công:

- Số hóa, tái cấu trúc quy trình công vụ.
- Điều hành, chỉ đạo trên nền tảng số, bảo đảm liên thông giữa các bộ phận trong xã và các cơ quan nhà nước Thành phố.
- Ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Dịch vụ công/tiện ích công toàn trình và theo hành trình người dùng.
- Minh bạch/giám sát/giải trình trên môi trường số.

b) Kinh tế số

- Thúc đẩy thương mại số, thanh toán số, kinh tế nền tảng.
- Số hóa các ngành, lĩnh vực kinh tế.

c) Xã hội số (công dân - tổ chức số, dịch vụ xã hội số, tương tác số)

Tập trung nâng cao chất lượng sống và tăng tham gia xã hội:

- Phát triển công dân số.
- Ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội.
- Kênh tương tác thống nhất giữa chính quyền với người dân và giữa người dân với nhau.
- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, tham vấn cộng đồng; giám sát xã hội số.
- Phổ cập kỹ năng số cộng đồng, đặc biệt nhóm yếu thế; thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư.

1.2. Lõi trung tâm

Các nền tảng dùng chung phục vụ cả ba trụ cột, bao gồm:

- Hệ thống định danh và xác thực điện tử.
- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.
- Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và của xã.
- Hệ thống thanh toán số dùng chung.

1.3. Nền tảng năng lực

a) Năng lực dữ liệu

- Danh mục dữ liệu dùng chung; chuẩn dữ liệu; chất lượng dữ liệu.
- Quản trị vòng đời dữ liệu; phân loại dữ liệu; chia sẻ dữ liệu có kiểm soát.
- Phân tích dữ liệu; đo lường tác động.

b) Năng lực nền tảng và kiến thức số

- Phát triển các nền tảng số dùng chung.
- Bảo đảm tính tích hợp, kết nối và tránh trùng lặp đầu tư.

c) Năng lực tổ chức và quản trị số

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu.
- Năng lực quản lý dự án và quản trị thay đổi.

d) Năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn người dùng.
- Nhận thức an toàn thông tin.

1.4. Ba cơ chế bảo đảm

a) Cơ chế điều phối và phân công

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị.
- Đầu mỗi điều phối thống nhất.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

b) Cơ chế tài chính

- Ưu tiên đầu tư cho hạ tầng và nền tảng dùng chung.
- Huy động nguồn lực xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

c) Cơ chế theo dõi, đánh giá

- Chỉ số chuyển đổi số.
- Báo cáo, giám sát theo thời gian thực.
- Đánh giá tác động về hiệu quả quản trị, tăng trưởng kinh tế, năng suất và chất lượng phục vụ.

2. Nguyên tắc Chuyển đổi số (Căn cứ nguyên tắc Thành phố)

2.1. Lấy chuyển đổi làm trọng tâm, công nghệ là công cụ, dùng chung là nguyên tắc bắt buộc

- Chuyển đổi số bảo đảm tỷ trọng 70% là chuyển đổi, 30% là công nghệ.
- Ưu tiên xây dựng hạ tầng dùng chung, nền tảng dữ liệu dùng chung, Cơ chế điều phối tập trung và hệ thống theo dõi xuyên suốt; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp.

2.2. Chuyển đổi toàn diện hệ sinh thái

Chuyển đổi số không chỉ diễn ra trong nội bộ cơ quan nhà nước mà phải bao trùm vận hành đô thị, phát triển kinh tế và đời sống xã hội; bảo đảm sự liên thông giữa chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2.3. Bảo đảm bao trùm số, thu hẹp khoảng cách số

Mọi giải pháp chuyển đổi số phải hướng tới việc tạo điều kiện cho mọi người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ số; chú trọng các nhóm yếu thế và khu vực còn hạn chế về điều kiện tiếp cận số.

2.4. Thực thi bằng áp lực số

- Các giải pháp chuyển đổi số phải thực thi triệt để, mang lại kết quả cuối cùng tạo áp lực để buộc phải chuyển đổi toàn diện.
- Các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu, nền tảng số, công cụ số đều phải ban hành quy chế quản lý, vận hành khi triển khai.
- Quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị cần có nội dung yêu cầu bắt buộc áp dụng các công cụ số, không gian làm việc số, bộ chỉ số KPI đo lường và các công cụ AI trong xử lý văn bản, báo cáo.

2.5. Gắn với an toàn, trách nhiệm và giải trình

Phát triển dịch vụ số phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; tăng cường cơ chế minh bạch và giải trình trên môi trường số. Kết quả thực hiện Kế hoạch này là căn cứ đánh giá, xếp loại người đứng đầu.

2.6. Đo lường được, quản trị được và tạo giá trị gia tăng

Chuyển đổi số phải được thiết kế để đo lường được tác động, phải hạch toán được kinh tế, phải theo dõi và đánh giá thường xuyên; gắn với nâng cao hiệu quả quản trị, tăng năng suất, tạo giá trị gia tăng và đóng góp trực tiếp cho mục tiêu tăng trưởng.

III. MỤC TIÊU

1. Chính quyền số

1.1. Lãnh đạo và điều hành

- 100% phòng, ban, đơn vị trực thuộc ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành).

- 100% các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung.

- 40% cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong cơ quan.

- 100% trang thông tin điện tử xã thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

1.2. Hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu dùng chung, nhân lực số

- 80% TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

1.3. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 80%.

- Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của xã được cải thiện.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt $\geq 95\%$.

- Phần đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung $< 5\%$.

2. Kinh tế số

2.1. Tỷ trọng

Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực tối thiểu 10%.

2.2. Thanh toán số

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu 75%.

- 100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.

3. Xã hội số

3.1. Định danh số, chữ ký số và năng lực giao dịch số

- Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt $\geq 95\%$; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 85%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt từ 20-30%.

3.2. Mức độ sử dụng dịch vụ số, tương tác số và tham gia xã hội số

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 90%.

- Tối thiểu 90% giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt $\geq 85\%$.

- Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số đạt $\geq 90\%$.

- 100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi.

- 100% các thôn hình thành cộng đồng số trên các mạng xã hội (khuyến khích trên iHanoi).

3.3. Năng lực số, thu hẹp khoảng cách số và an toàn số

- Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt $\geq 60\%$.

- Tối thiểu 50% thôn triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.

- 100% hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ giải pháp phát triển Chính quyền số

1.1. Lãnh đạo và điều hành

1.1.1. Tổ chức rà soát và cắt giảm Hội nghị, tăng tỷ lệ Hội nghị số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND - UBND.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải họp, các cuộc họp được cắt giảm, nội dung bắt buộc họp trực tiếp, nội dung bắt buộc họp trực tuyến và loại tùy chọn; thời lượng tối đa của từng loại cuộc họp, ưu tiên thời lượng ≤ 60 phút.

- Lãnh đạo chủ trì cuộc họp chịu trách nhiệm về việc tổ chức theo đúng phân loại đã được công bố.

1.1.2. Tổ chức rà soát và cắt giảm văn bản trên môi trường số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND - UBND.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải phát hành văn bản, các văn bản được cắt giảm (chuyển sang trao đổi bằng thông điệp dữ liệu trực tiếp trên Không gian làm việc số) và loại tùy chọn.

- Người ký văn bản chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ việc phát hành các văn bản đã được công bố cắt giảm.

1.1.3. Số hóa thủ tục hành chính nội bộ và các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật)

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND – UBND.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Tháng 6/2026.

1.1.4. Thực hiện công khai lịch công tác tuần của các lãnh đạo

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND - UBND.

b) Thời hạn: Quý II/2026.

c) Yêu cầu tối thiểu: Cập nhật liên tục, bảo đảm đúng với lịch trình thực tế; tiết kiệm thời gian thông báo khi có điều chỉnh.

1.2. Nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

1.2.1. Căn cứ Khung năng lực số, triển khai đánh giá tập trung và đề xuất chứng nhận năng lực số đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Quý IV/2026.

1.2.2. Gắn hiệu quả số với đánh giá, xếp loại và cơ chế khuyến khích (bám sát khung năng lực số cơ bản, khung năng lực số nâng cao và hiệu quả số từng vị trí việc làm)

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Theo hướng dẫn của Thành phố.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

2.1. Triển khai Đề án “Thành lập khu phát triển thương mại và văn hóa bảo tồn sinh thái Làng cổ Bát Tràng”; Đề án phát triển kinh tế xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế.

b) Cơ quan phối hợp: Đơn vị tư vấn và các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Quý IV/2026.

2.2. Xây dựng nền tảng số văn hóa tích hợp du lịch Bát Tràng

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

b) Cơ quan phối hợp: Đơn vị tư vấn và các phòng, ban chuyên môn.

c) Thời hạn: Quý IV/2026.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

3.1. Hoàn thành định danh điện tử cho cá nhân, tổ chức theo mục tiêu đã đặt ra và mở rộng xác thực VNeID cho các dịch vụ số

a) Cơ quan chủ trì: Công an xã.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn và các Thôn trên địa bàn.

c) Thời hạn: Quý IV/2026.

3.2. Khai thác hiệu quả nền tảng iHanoi của Thành phố trong quản trị xã hội số ở cơ sở, phục vụ thực hiện các mục tiêu về xã hội số tại Mục III

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội (theo hướng dẫn của Sở chuyên ngành).

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn và các Thôn trên địa bàn.

c) Thời hạn: Từ tháng 3/2026 và báo cáo vào tháng 12/2026.

3.3. Triển khai thí điểm mô hình “Giáo dục AI” tại các trường trên địa bàn xã

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

b) Cơ quan phối hợp: Các trường được chọn thí điểm trên địa bàn.

c) Thời hạn: Từ tháng 3/2026 và báo cáo vào tháng 12/2026.

3.4. Triển khai có kiểm soát mô hình “Trung tâm Giáo dục - Sáng tạo - Khởi nghiệp gốm sứ Bát Tràng”

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn và các CLB gốm sứ, Hội nghệ nhân giỏi Bát Tràng, Giang Cao, Kim Lan.

c) Thời hạn: Từ tháng 6/2026 và báo cáo vào tháng 12/2026.

3.5. Xây dựng Xã Bát Tràng - Xã hội số kiểu mẫu

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội (theo hướng dẫn của Sở chuyên ngành).

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn và các Thôn trên địa bàn.

c) Thời hạn: Khi Thành phố lựa chọn mô hình điểm.

4. Nhiệm vụ, giải pháp khác (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo UBND xã các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch.

- Là đầu mối tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chuyển đổi số theo tháng, quý, năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Văn phòng HĐND và UBND

- Triển khai hiệu quả hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã, các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo hỗ trợ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số số, đảm bảo công tác an toàn an ninh mạng.

- Phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội triển khai các nhiệm vụ được giao về Chuyển đổi số của xã.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

3. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp tham mưu UBND xã xây dựng và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với phát triển kinh tế số nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế số địa phương.

- Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh quyết toán toán kinh phí thực hiện chuyển đổi số theo quy định.

4. Công an xã

- Triển khai các nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, Đề án 06, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã, đảm bảo công tác an toàn an ninh mạng.

- Tiếp tục rà soát, phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tạo lập, kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số;

tăng cường nội dung tuyên truyền, thời lượng phát tin về các hoạt động chuyển đổi số trên hệ thống loa truyền thanh, Trang thông tin điện tử, Fanpage của xã.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến sâu rộng tới các hội viên, đoàn viên và Nhân dân về quan điểm chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, Thành phố và xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát động phong trào thi đua thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân theo hình thức phù hợp, gắn với các hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, thiết thực

7. Các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn

- Phối hợp triển khai thí điểm có hiệu quả mô hình “*Giáo dục AI*”, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện để tiếp tục nhân rộng.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch.

8. Các Thôn trên địa bàn, Tổ chuyên đổi số cộng đồng

- Phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu về lợi ích thiết thực của việc chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực của đời sống. Vận động nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số cùng chính quyền xã xây dựng xã Bát Tràng hiện đại, văn minh, giàu đẹp.

- Tổ chuyên đổi số cộng đồng hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng định danh điện tử VNeID, eTaxMobile, iHanoi, VssID.., hỗ trợ thực hiện Dịch vụ công trực tuyến, duy trì thực hiện phong trào “*Bình dân học vụ số*” tại thôn, nhằm xây dựng công dân số góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số.

9. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các phòng, ban, đơn vị, các Thôn thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng (trước ngày 15 hàng tháng) về kết quả triển khai Kế hoạch; gửi về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND xã (trước ngày 20 hàng tháng) gửi Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo thời gian quy định.

- Nội dung báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ điều hành; bảo đảm khách quan, minh bạch, có tài liệu kiểm chứng; kiên quyết hạn chế báo cáo thủ công, hình thức, không phản ánh đúng thực chất. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thường xuyên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo bộ chỉ số KPI và các mốc công việc phù hợp với từng giai đoạn.

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm về việc xác định, cập nhật và hoàn thiện bộ chỉ số KPI, các mốc công việc; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo làm căn cứ theo dõi, đánh giá và điều hành.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí cho nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính đột phá trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc xác định nhiệm vụ, đo lường kết quả và điều kiện bố trí nguồn kinh phí, gắn với kết quả đầu ra cụ thể.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số địa bàn xã Bát Tràng năm 2026. Yêu cầu các phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện, định kỳ hàng quý và năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: Đảng ủy - HĐND xã;
- Các Đ/c PCT UBND xã;
- UB MTTQVN xã và các tổ chức CTXH;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Các ông (bà) Trưởng thôn;
- Lưu: VT, VHXXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tiến Dũng

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Bát Tràng)

Tổng số chỉ tiêu: 27 chỉ tiêu

Trong đó: Chính quyền số: 12 chỉ tiêu; Kinh tế số: 03 chỉ tiêu; Xã hội số: 12 chỉ tiêu.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Ghi chú
I	Chính quyền số				
1	100% cơ quan nhà nước Thành phố ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) - Tính từ 01/10/2026	Văn phòng HĐND - UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025	
2	Giảm ít nhất 50% văn bản lấy ý kiến giữa cơ quan nhà nước Thành phố, tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026	Văn phòng HĐND - UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	
3	100% các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố	Văn phòng HĐND - UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	
4	40% cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong cơ quan	Văn phòng HĐND - UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	
5	100% Cổng/trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến.	Văn phòng HĐND - UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Ghi chú
6	100% hệ thống/ứng dụng mới hoặc nâng cấp của Thành phố phải “API-first” và kết nối LGSP. Không phát sinh hệ thống/ứng dụng riêng lẻ ngoài kiến trúc số thống nhất của Thành phố.	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	
7	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025	
8	80% TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	
9	Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu 80%	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Theo hướng dẫn của Thành phố	
10	Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của xã được cải thiện so với cùng kỳ	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	
11	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt $\geq 95\%$	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	
12	Phần đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung $< 5\%$	Văn phòng HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Ghi chú
II	Kinh tế số				
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%	Phòng Kinh tế	Các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
2	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu 75%	Phòng Kinh tế	Các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
3	100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số	Phòng Kinh tế	Doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
III	Xã hội số				
1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử đạt trên 90%	Công an xã	Các thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
2	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số cá nhân đạt 20-30%	Phòng VHXXH	Chuyên gia, đơn vị tư vấn	Thực tế triển khai tại xã	
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh kết nối Internet đạt trên 90%	Phòng VHXXH	Trung tâm dịch vụ tổng hợp; Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
4	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 85%	Các ngân hàng trên địa bàn	Phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Ghi chú
5	Tỷ lệ người dân được theo dõi quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 85%	Trạm y tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp; Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
6	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng thông rộng đạt 100%	Phòng VHXXH; Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Công ty viễn thông	Thực tế triển khai tại xã	
7	100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi	VP HĐND – UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Thực tế triển khai tại xã	
8	100% các thôn hình thành cộng đồng số trên các nền tảng mạng (khuyến khích trên iHanoi)	Phòng VHXXH	Trung tâm dịch vụ tổng hợp; Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
9	Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt $\geq 70\%$	Công an xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp; Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
10	Tối thiểu 50% thôn triển khai hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản	Phòng VHXXH	Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
11	100% hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản	Phòng VHXXH	Các Thôn trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	
12	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 80%	Phòng VHXXH	Các trường công lập trên địa bàn xã	Thực tế triển khai tại xã	

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

(Kèm theo Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Bát Tràng)

Tổng số nhiệm vụ: 12 nhiệm vụ

Trong đó: Đổi mới trong công tác chỉ đạo điều hành: 01 nhiệm vụ; Phát triển nhân lực số: 02 nhiệm vụ; Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai: 01 nhiệm vụ; Xây dựng hạ tầng số - nền tảng số - dữ liệu - AI dùng chung: 03 nhiệm vụ; Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất, Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh: 01 nhiệm vụ; Bảo đảm an toàn thông tin: 02 nhiệm vụ; Triển khai Luật Chuyển đổi số: 02 nhiệm vụ.

TT	Tên nhóm nhiệm vụ/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
I	Đổi mới trong công tác chỉ đạo, điều hành					
1	100% người đứng đầu phải sử dụng các hệ thống số dùng chung của Thành phố trong công tác chỉ đạo, điều hành	Văn phòng HĐND-UBND		Thường xuyên	Hạn chế tối đa việc yêu cầu báo cáo thủ công, báo cáo ngoài hệ thống	Không phát sinh hệ thống báo cáo riêng lẻ ngoài các nền tảng dùng chung của Thành phố
II	Phát triển nhân lực số					
1	Triển khai khung Chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Văn phòng HĐND-UBND, Phòng VHXXH	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026	Cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	Khoá đào tạo, chứng chỉ
2	Thuê dịch vụ nhân sự công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số	Văn phòng HĐND-UBND, Phòng VHXXH	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại xã	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại xã

TT	Tên nhóm nhiệm vụ/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
III	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai					
1	Vận hành Hệ thống đo lường, giám sát, chấm điểm tự động mức độ hoàn thành chỉ tiêu và mức độ chuyển đổi số	Phòng VHXH	Các phòng, ban chuyên môn	Quý III//2026	UBND xã được chấm điểm tự động; 100% chỉ tiêu chuyển đổi số trong Kế hoạch được theo dõi theo thời gian thực; giảm tối thiểu 80-90% báo cáo thủ công về chuyển đổi số; 100% dữ liệu đo lường lấy từ hệ thống số, không nhập tay; Cập nhật, xếp hạng chuyển đổi số theo thời gian thực; cảnh báo sớm $\geq 90\%$ nguy cơ chậm muộn	Theo hướng dẫn của Thành phố
IV	Xây dựng hạ tầng số – nền tảng số – dữ liệu – AI dùng chung					
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã Bát Tràng giai đoạn 2026-2030	Phòng VHXH	Các phòng, ban chuyên môn	Nhiệm vụ thường xuyên	Kế hoạch được ban hành và triển khai	Kế hoạch được ban hành và triển khai
2	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai chuyển đổi số theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo	Báo cáo

TT	Tên nhóm nhiệm vụ/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
3	Nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hạ tầng CNTT bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan và phục vụ người dân, doanh nghiệp (Nâng cấp hệ thống mạng; Thiết bị Giao ban trực tuyến; mua sắm bổ sung, trang thiết bị CNTT...)	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Quý III/2026	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện
V	Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất, Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh					
1	Rà soát, tái cấu trúc tối thiểu 100% các quy trình nội bộ có tần suất xử lý cao	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng, ban chuyên môn	Quý IV/2026	- Giảm trung gian; - Chuẩn hoá dữ liệu đầu vào; - Tích hợp xử lý liên thông trên môi trường số; - Loại bỏ triệt để việc xử lý song song điện tử - giấy	Danh mục quy trình đã tái cấu trúc và sơ đồ quy trình số
VI	Bảo đảm an toàn thông tin					
1	Phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ với các hệ thống thông tin trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; kiểm tra đánh giá an ninh mạng định kỳ	Công an xã	Văn phòng HĐND-UBND	Thường xuyên	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện
2	Nâng cấp, bổ sung, duy trì các thiết bị bảo mật nhằm bảo đảm an toàn thông tin	Văn phòng HĐND-UBND	Công an xã	Thường xuyên	Bảo đảm an toàn thông tin	Bảo đảm an toàn thông tin

TT	Tên nhóm nhiệm vụ/ nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
VII	Triển khai Luật Chuyển đổi số					
1	Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án liên quan đến chuyển đổi số; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng các nhiệm vụ giải pháp mới (nếu cần thiết) để phù hợp với các quy định của Luật	Phòng VHXX	Các phòng, ban chuyên môn	Thường xuyên	Rà soát, báo cáo	Báo cáo
2	Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để triển khai các hoạt động chuyển đổi số quy định tại Điều 4 của Luật; triển khai các chính sách Nhà nước về chuyển đổi số quy định tại Điều 9 của Luật	Phòng VHXX	Các phòng, ban chuyên môn	Thường xuyên	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định	Chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số